

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2026/DS-ST
Ngày: 04/3/2026
V/v: “Tranh chấp di sản thừa
kế”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quảng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thu và ông Hoàng Văn Tiến.

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Tâm - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Quỳnh Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 04/3/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2024/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXXST-DS ngày 28/11/2025, Quyết định hoãn phiên toà số 89/QĐ – ST ngày 25/12/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 08/QĐ – ST ngày 16/01/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Hồ Văn A, sinh năm 1963; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của ông Hồ Văn A: Ông Vũ Xuân H, sinh năm 1972; nơi cư trú: 85 T, P Bắc Lý, TP Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là 85 T, Phường Đ, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện BỐ T, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

+ Bà Thái Thị B, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn T 2, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn T 2, xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

Đại diện theo uỷ quyền của bà Thái Thị B: Bà Phạm Thị Huyền T, sinh 1994. Địa chỉ: 40 P, Phường B, TP Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là 40 P, Phường Đ, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt.

+ Ông Hồ Đăng H, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị), vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị)– Con trai ông H - Là người giám hộ cho ông Hồ Đăng H đã bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, có mặt.

+ Ông Hồ Văn D, sinh năm 1968; nơi cư trú: Tổ 21 Khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ 21 Khu phố H, phường P, tỉnh Đồng Nai), có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn S, xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

+ Bà Lê Thị H, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị), có mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị), có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 19/7/2024, quá trình làm việc tại toà án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Hồ Văn An và đại diện theo uỷ quyền của ông Hồ Văn A trình bày, cụ thể như sau:

Bố mẹ ông là cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L trong thời gian chung sống đã sinh được 06 người con là Thái Thị B, Hồ Văn A, Hồ Đăng H, Hồ Văn D, Hồ Thị T và Hồ Văn N. Quá trình chung sống, bố mẹ ông tạo lập được khối tài sản chung là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất gồm:

Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn T (Hồ Như T) và tài sản gắn liền thửa đất là 02 căn nhà được xây dựng tách biệt tổng diện tích 150m²; 01 căn do bố mẹ tôi xây dựng đã xuống cấp nên Hồ Đăng H dựng lại để ở và 01 căn khác do vợ chồng Hồ Văn N xây dựng.

Thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã P, là đất trồng cây lâu năm do bố mẹ ông khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất Hồ Văn N trồng cây cao su, thửa đất này do Hồ Văn N tự ý kê khai để được quy chủ trong hồ sơ địa chính được phê duyệt năm 2016.

Ngày 20/9/2005, mẹ ông Hoàng Thị L qua đời đến ngày 21/02/2011 bố ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) qua đời. Cả hai cụ chết đều không để lại di chúc và chỉ định ai được hưởng di sản. Vì vậy, anh chị em trong gia đình đã nhiều lần họp bàn để thực hiện thoả thuận chia di sản thừa kế theo pháp luật của bố mẹ để lại nhưng không thành do Hồ Văn N không đồng ý.

Nay quan điểm yêu cầu giải quyết như sau:

Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái

Nhi T) đề nghị chia 06 phần cho 06 anh chị em (bao gồm đất ở và đất vườn), trong đó: Phần đất có nhà ở kiên cố do ông N, bà H xây dựng được giao cho ông N, bà H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo, phần có nhà tạm hiện nay ông H đang ở được giao cho ông H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), những phần còn lại được chia cho 04 anh chị em còn lại và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo.

Thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã Phú Định, là đất trồng cây lâu năm do bố mẹ ông khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất Hồ Văn N trồng cây cao su, thửa đất này do Hồ Văn N tự ý kê khai để được quy chủ trong hồ sơ địa chính, đề nghị chia phần đất có diện tích 1.238,2m², được giới hạn từ 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 19 (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ) cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Quang là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), 05 phần còn lại chia cho 05 hàng thừa kế còn lại và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo, riêng kỹ phần của ông nhường lại cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), được chia phần nào ông nhận phần đó và không yêu cầu bù tiền chênh lệch tài sản.

Ý kiến của bị đơn: Ông Hồ Văn N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị) là bị đơn trong vụ án thông nhất trình bày, cụ thể:

Bố mẹ ông sinh thời được 06 anh chị em: Thái Thị B, Hồ Văn A, Hồ Đăng H, Hồ Văn D, Hồ Thị T và Hồ An N như ông A trình bày. Sau khi chết ông, bà không để lại di chúc.

Di sản thừa kế do bố mẹ ông để lại là thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² (theo bản đồ mới) tại xã P, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bố ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) vào ngày 08/11/1998. Không phải bao gồm cả thửa đất 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã P trồng cây cao su như ông A trình bày. Tuy nhiên đề nghị Toà án xem xét di sản để lại thừa kế theo bản đồ cũ để phân chia, tức là thửa đất số 07, tờ bản đồ số 114 tại xã P (nay là xã B) làm căn cứ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) vào ngày 08/11/1998. Trên thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² (theo bản đồ mới) ông, bà có ngôi nhà xây đổ bằng diện tích 106,8m², ngoài ra có mái che tôn, công trình phụ do vợ chồng ông tự xây dựng.

Theo quan điểm của ông N, phương án phân chia di sản thừa kế nói trên như sau: Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² (theo bản đồ mới) được phân chia thành 6 phần cho 6 hàng thừa kế, ưu tiên diện tích đất có nhà 106,8m², mái che tôn và công trình phụ do vợ chồng ông tự xây dựng được phân chia cho vợ chồng ông kèm cây cối, tài sản nằm trên diện tích đất này. Những phần còn lại được phân chia cho các hàng thừa kế còn lại kèm cây cối, tài sản nằm trên diện tích đất được chia (5 phần, gồm Hồ Văn A, Thái Thị B, Hồ Đăng H, Hồ Văn D và Hồ Thị T), trong đó theo ý kiến của Hồ Văn D thì phần di sản được chia ông Dũng sẽ để lại cho vợ chồng ông. Do đó đề nghị Toà án phân chia diện tích đất liền kề diện tích đất vợ chồng ông được chia và cây cối, tài sản nằm trên diện tích đất này để thuận tiện trong việc sử dụng đất.

Ngoài ra đối với thửa đất 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² (theo bản đồ mới) tại xã P trồng cây cao su do vợ chồng ông tự khai phá nên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông. Số lượng cây cao su là 460 cây, được trồng vào khoảng năm 2006 đến 2008. Vợ chồng ông nhất trí lấy giá mà Hội đồng định giá đã định giá làm căn cứ phân chia.

Nếu Hội đồng xét xử phân chia diện tích thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² thì yêu cầu các đồng thừa kế được phân chia phải bù tiền giá trị cây cao su nằm trên diện tích được phân chia cho vợ, chồng ông.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1976 nhất trí với ý kiến của ông Hồ Văn N (chồng bà H).

Quan điểm của bà Thái Thị B, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn T 2, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn T 2, xã B, tỉnh Quảng Trị) – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo uỷ quyền của bà Thái Thị B:

Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) đề nghị chia 06 phần cho 06 anh chị em (bao gồm đất ở và đất vườn), trong đó: Phần đất có nhà ở kiên cố do ông N, bà H xây dựng được giao cho ông N, bà H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo, phần có nhà tạm hiện nay ông H đang ở được giao cho ông Hùng và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), những phần còn lại được chia cho 04 anh chị em còn lại và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo.

Thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã P, là đất trồng cây lâu năm do bố mẹ bà khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất Hồ Văn N trồng cây cao su, thửa đất này do Hồ Văn N tự ý kê khai để được quy chủ trong hồ sơ địa chính, đề nghị chia phần đất có diện tích 1238,2m² (được giới hạn bởi các điểm 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 19) cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), 05 phần còn lại chia cho 05 hàng thừa kế còn lại và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo, riêng kỷ phần của bà nhường lại cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), được chia phần nào bà nhận phần đó và không yêu cầu bù tiền chênh lệch tài sản.

Quan điểm của bà Hồ Thị T, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn S, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn S, xã B, tỉnh Quảng Trị) – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất như quan điểm ông An, cụ thể:

Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn T đề nghị chia 06 phần cho 06 anh chị em (bao gồm đất ở và đất vườn), trong đó: Phần đất có nhà ở kiên cố do ông N, bà H xây dựng được giao cho ông N, bà H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo, phần có nhà tạm hiện nay ông H đang ở được giao cho ông H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), những phần còn lại được chia cho 04 anh chị em còn lại và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo.

Thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã P, là đất trồng cây lâu

năm do bố mẹ bà khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất Hồ Văn N trồng cây cao su, thửa đất này do Hồ Văn N tự ý kê khai để được quy chủ trong hồ sơ địa chính, đề nghị chia phần đất có diện tích 1238,2m² (được giới hạn bởi các điểm 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 19) cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), 05 phần còn lại chia cho 05 hàng thừa kế còn lại và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo, riêng kỹ phần của bà nhường lại cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), được chia phần nào bà nhận phần đó và không yêu cầu bù tiền chênh lệch tài sản.

Quan điểm của ông Hồ Văn Q, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là Thôn B, xã B, tỉnh Quảng Trị) – Con trai ông H - Là người giám hộ cho ông Hồ Đăng H thống nhất như quan điểm ông A, cụ thể:

Thửa đất số: 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hồ Văn T đề nghị chia 06 phần cho 06 anh chị em (bao gồm đất ở và đất vườn), trong đó: Phần đất có nhà ở kiên cố do ông N, bà H xây dựng được giao cho ông N, bà H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo, phần có nhà tạm hiện nay ông H đang ở được giao cho ông H và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), những phần còn lại được chia cho 04 anh chị em còn lại và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo.

Thửa đất số: 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã P, là đất trồng cây lâu năm do ông, bà N khai hoang chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất Hồ Văn N trồng cây cao su, thửa đất này do Hồ Văn N tự ý kê khai để được quy chủ trong hồ sơ địa chính, đề nghị chia phần đất có diện tích 1238,2m² (được giới hạn bởi các điểm 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 19) cho ông H và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận), 05 phần còn lại chia cho 05 hàng thừa kế còn lại và cây cao su, tài sản nằm trên đất kèm theo, ông đồng ý nhận các kỹ phần do ông A, bà B, bà T nhường lại, không yêu cầu bù tiền chênh lệch tài sản.

Ý kiến của ông Hồ Văn D, sinh năm 1968, trú tại: Tổ 21 khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là Tổ 21 khu phố H, phường P, tỉnh Đồng Nai), cụ thể:

Toàn bộ 02 thửa đất nói trên được chia cho 02 người, gồm:

1/ Hồ Đăng H, sinh năm 1966.

2/ Hồ Văn N, sinh năm 1973.

Lý do không chia cho ông Hồ Văn A, bà Thái Thị B và Hồ Thị T là vì ông Hồ Văn A trước đây đã được bố mẹ ông Hồ Văn Thời cho đất rồi, còn bà Thái Thị Bình và Hồ Thị T là phụ nữ đã đi lấy chồng nên không được chia nữa. Riêng phần đất của ông được chia xin nhường lại cho em là Hồ Văn N.

Như vậy toàn bộ diện tích 02 thửa đất trên được chia cho 02 người gồm:

Trong đó ông Hồ Đăng H được hưởng 1/3 diện tích 02 thửa đất còn ông Hồ Văn N được hưởng 02/3 diện tích 02 thửa đất nói trên.

Vì điều kiện ở xa, ông không về dự phiên tòa được, nên đề nghị xét xử vắng mặt, ông hoàn toàn chịu trách nhiệm về ý kiến của mình trước pháp luật và không khiếu kiện,

khiếu nại sau khi toà xử.

Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Quảng Trị:

Tại bản đồ địa chính số 7, xã Phú Định, được Sở địa chính tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 1997, thửa đất số 114 (nay là thửa số 275), có diện tích 4755m².

Tại bản đồ địa chính số 8, xã P, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 2016, thửa đất số 275, có diện tích 4570,6m².

Ranh giới, hình thể và diện tích thửa đất có sự sai khác giữa 2 tờ bản đồ năm 1997 và năm 2016 do thể hiện theo hiện trạng thửa đất của các hộ gia đình tại thời điểm hồ sơ địa chính được phê duyệt.

Tại Quyết định số 04/2025/QĐST-VDS ngày 07/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 1): Quyết định tuyên bố ông Hồ Đăng H bị mất năng lực hành vi dân sự, đồng thời chỉ định anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật.

Quá trình tiến hành tố tụng các bên không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án:

Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tuân thủ trình tự tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán đã thực hiện thụ lý vụ án, thông báo thụ lý, gửi, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng phát sinh trong hoạt động tố tụng cho các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đầy đủ, đồng thời chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197, 202, 208, 220 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 57, 58, 59, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Luật Đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Hồ Văn An theo pháp luật tại các thửa đất số 275, tờ bản đồ số 8 tại xã P (nay là xã B), là đất ở nông

thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ ông Hồ Văn Thời (Hồ Như T, Thái Nhi T) và thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 tại xã P (nay là xã B) là đất trồng cây lâu năm do cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L sau khi chết để lại, cụ thể:

[1.1] Tại thửa đất 275, tờ bản đồ số 8 (thửa 114, tờ bản đồ số 7):

+ Giao cho ông Hồ Văn A được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 721,8m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 10 – 11- 12 – 13 – 10, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 58.014.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho ông Hồ Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 717,7m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 9 - 10 – 13 – 15 - 9, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.960.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án) do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại diện nhận.

+ Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 913,2m² kèm theo toàn bộ nhà cửa, cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 6 – 7 – 8 – 9 – 15 – 17 - 6, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 66.953.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho ông Hồ Văn D được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 709,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 5 – 6 – 17 – 19 - 5, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.578.400đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn D giao toàn bộ diện tích đất 709,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 5 – 6 – 17 – 19 - 5, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.578.400đ cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng.

+ Giao cho bà Thái Thị B được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 748,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 4 - 5 - 19 – 20 - 4, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.367.800đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho bà Hồ Thị T được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 743,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 - 2 - 3 - 4 – 20 - 1, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.151.400đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

[1.2] Tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7):

+ Giao cho ông Hồ Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 5.086,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 13 – 14 – 15 – 16

– 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 24 – 25 – 26 – 27 – 28 - 13 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại diện nhận, có trị giá 233.965.200đ, nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H là 125.551.829đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

Tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa đất số 274 kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 13 – 13 – 28 – 29 – 1, có diện tích 2.565m², có trị giá 117.990.000đ và toàn bộ số cây cao su được trồng trên diện tích đất này là tài sản của ông N, bà H tạo lập nên ông N, bà H được hưởng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn D giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà ông được hưởng theo kỷ phân thừa kế cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông/bà Hồ Văn A, Thái Thị B và Hồ Thị T giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà các ông/bà được hưởng theo kỷ phân thừa kế tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7) và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo cho ông H được hưởng (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận).

Do các thửa đất được phân chia có diện tích và giá trị tương đương nhau và các được sự không yêu cầu bù trừ giá trị chênh lệch, nên các bên không phải bù trừ giá trị chênh lệch cho nhau.

[2] Ông Hồ Văn Q là người giám hộ đối với ông Hồ Đăng H có trách nhiệm quản lý diện tích đất được chia di sản thừa kế cho ông Hồ Đăng H và thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Đã chi phí hết 4.500.000đ, ông Hồ Văn A thoả thuận chịu và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Miễn án phí cho ông Hồ Văn A, bà Thái Thị B và ông Hồ Đăng H. Ông Hồ Văn Dũng, bà Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn N phải chịu 9.247.150đ.

[5] Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ cho họ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người giám hộ cho ông Hùng có mặt. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B, ông Hồ Văn D, bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, đại diện theo uỷ quyền của bà Thái Thị B là bà Phạm Thị Huyền T vắng mặt không có lý do.

Việc vắng mặt của người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[1.2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án được xác định có mối quan hệ tranh chấp chia di sản thừa kế. Vì vậy, căn cứ khoản 5 Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/9/2005, cụ bà Hoàng Thị L qua đời, đến ngày 21/02/2011, cụ ông Hồ Văn Thời (Hồ Như T, Thái Nhi T) qua đời. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản. Vì vậy, việc khởi kiện để yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hoàng Thị L và cụ Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) đang còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xác định di sản do cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L để lại là các thửa đất số 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã Phú Đ, là đất trồng cây lâu năm do cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L để lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.2] Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L, gồm: 06 người con là Thái Thị B, Hồ Văn A, Hồ Đăng H, Hồ

Văn D, Hồ Thị T và Hồ Văn N. Các đương sự đồng thuận, không có tranh chấp về hàng thừa kế.

[2.3] Việc ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H thừa nhận thừa đất số 275, tờ bản đồ số 8, diện tích 4570,6m² tại xã P (nay là xã B), là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) là di sản của bố mẹ để lại, phù hợp với lời khai của bà Thái Thị B, ông Hồ Văn A, giám hộ cho ông Hồ Đăng H, ông Hồ Văn D và bà Hồ Thị T nên không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Riêng thừa đất số 274, tờ bản đồ số 8, diện tích 7813,3m² tại xã Phú Định, là đất trồng cây lâu năm, các đồng thừa kế Thái Thị B, ông Hồ Văn A, giám hộ cho ông Hồ Đăng H, ông Hồ Văn D đều thừa nhận đây là di sản của bố mẹ để lại, các tài sản cây cao su trên đất là của vợ chồng ông N, bà H tạo lập, còn ông Hồ Văn N cho rằng đây là tài sản của vợ chồng ông tạo lập, Hội đồng xét xử thấy: Theo sổ mục kê năm 1997 thì các thửa đất số 114 và 115, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 275, tờ bản đồ số 8 và thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8) được quy chủ mang tên Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T). Như vậy nguồn gốc thửa đất số 115, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8) là tài sản của bố mẹ các đồng thừa kế để lại. Do đó chỉ chấp nhận lời khai của ông N, bà H là toàn bộ cây cao su trồng trên thửa đất này là do ông N, bà H tạo lập.

[2.4] Căn cứ xác định lấy hai thửa đất thừa đất số 275, tờ bản đồ số 8, là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 là đất trồng cây lâu năm làm căn cứ phân chia di sản thừa kế là vì:

- Tại bản đồ địa chính số 7 của thửa đất 114 (nay là thửa 275), xã P (nay là xã B) được Sở địa chính tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 1997, có diện tích 4755m².

- Tại bản đồ địa chính số 7 của thửa đất 115 (nay là thửa 274), xã Phú Định (nay là xã Bồ Trạch) được Sở địa chính tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 1997, có diện tích 7575m².

- Tại bản đồ địa chính số 8 của thửa đất 275, xã P (nay là xã B) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 2016, có diện tích 4570,6m² dựa trên kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

- Tại bản đồ địa chính số 8 của thửa đất 274, xã P (nay là xã B) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Bình phê duyệt năm 2016, có diện tích 7813,3m² dựa trên kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất.

Ranh giới, hình thể và diện tích các thửa đất có sự sai khác giữa 02 tờ bản đồ năm 1997 và 2016 do thể hiện theo hiện trạng sử dụng đất của các hộ gia đình tại thời điểm hồ sơ địa chính được phê duyệt năm 2016. Hiện nay Ủy ban nhân dân xã B không tiếp nhận được đơn kiện tranh chấp quyền sử dụng đất giữa các chủ sử dụng đất đối với các

thửa đất 114 và 115 tờ bản đồ địa chính số 7 năm 1997 (tức 274 và 275 tờ đồ địa chính số 8 năm 2016).

[2.5] Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, và định giá tài sản, cụ thể như sau:

- Tại thửa đất 275, tờ bản đồ số 8 (thửa 114, tờ bản đồ số 7): Được đo vẽ thành 06 phần, cụ thể:

+ Diện tích đất 721,8m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 10 – 11- 12 – 13 - 10, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 58.014.000đ.

+ Diện tích đất 717,7m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 9 - 10 – 13 – 15 - 9, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.960.000đ.

+ Diện tích đất 913,2m² kèm theo toàn bộ nhà cửa, cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 6 – 7 – 8 – 9 – 15 – 17 - 6, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 66.953.000đ.

+ Diện tích đất 709,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 5 – 6 – 17 – 19 - 5, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.578.400đ.

+ Diện tích đất 748,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 4 - 5 - 19 – 20 - 4, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.367.800đ.

+ Diện tích đất 743,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 - 2 - 3 - 4 – 20 - 1, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.151.400đ
(có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

- Tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7): Được đo vẽ thành 06 phần, cụ thể:

+ Diện tích đất 1238,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 19 - 20 - 22 – 23 - 19 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 56.957.200đ, giá trị cây cao su trên đất 30.564.719đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Diện tích đất 1266,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 16 - 17 - 19 – 23 - 24 – 16 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 58.245.200đ, giá trị cây cao su trên đất 31.255.894đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Diện tích đất 1260,1m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 14 - 15 - 16 – 24 – 25 - 26 – 14 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 57.964.600đ, giá trị cây cao su trên đất 31.105.316đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Diện tích đất 1321,7m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 13 - 14 - 26 – 27 – 28 -13 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không

thể tách rời của bản án), có trị giá 60.798.200đ, giá trị cây cao su trên đất 32.625.900đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Diện tích đất 1320,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 10 - 11 - 12 - 13 - 28 - 29 - 10 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 60.743.000đ, giá trị cây cao su trên đất 32.596.278đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Diện tích đất 1244,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 01 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 29 - 01 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 57.247.000đ, giá trị cây cao su trên đất 30.720.233đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

(có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

[4.5] Căn cứ phân chia di sản thừa kế:

Xét ý kiến của các đương sự, tình hình thực tế hiện trạng sử dụng đất và tài sản trên đất, thấy rằng:

Tại thửa đất 275: Hiện nay tại thửa đất diện tích đất 913,2m², trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 66.953.000đ, trên đất là ngôi nhà đồ bằng kiên cố do vợ chồng ông/bà N, H tạo dựng nên cần giao diện tích đất này kèm ngôi nhà và cây cối, tài sản cho vợ chồng ông N, bà H sở hữu, sử dụng.

Đối với thửa đất diện tích đất 717,7m², trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.960.000đ, trên đất có ngôi nhà tạm đã xuống cấp, không có giá trị, nhưng ông H đang ở, nên cần giao diện tích đất này kèm ngôi nhà và cây cối, tài sản cho ông H sở hữu, sử dụng (do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại diện nhận).

Còn 04 thửa đất còn lại lần lượt giao cho 04 đồng thừa kế còn lại, trong đó phần thừa kế của ông Hồ Văn D có nguyện vọng nhường lại cho Hồ Văn N sở hữu, sử dụng, nên cần giao toàn bộ diện tích đất liền kề đất giao cho ông Nhân mà ông Dũng được hưởng và tài sản trên đất cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng để thuận tiện trong việc quản lý và sử dụng.

Riêng diện tích đất trồng cây cao su và cây cao su được chia thành 06 phần, trong đó:

- Tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 được phân chia như sau:

+ Giao cho ông Hồ Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1238,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 19 - 20 - 21 - 22 - 23 - 24 - 19 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án) do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại

diện nhận, có trị giá 56.957.200đ nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H là 30.564.719đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Giao cho ông Hồ Văn A được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1266,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 16 - 17 - 18 - 19 - 23 - 24 - 16 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 58.245.200đ nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H là 31.255.893đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Giao cho bà Thái Thị B được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1260,1m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 14 - 15 - 16 - 24 - 25 - 26 - 14 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 57.964.600đ nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn Nhàn và bà Lê Thị H là 31.105.316đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Giao cho bà Hồ Thị T được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1321,7m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 13 - 14 - 26 - 27 - 28 - 13 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 60.798.200đ nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn Nhàn và bà Lê Thị H là 32.625.900đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Giao cho ông Hồ Văn D được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1320,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 10 - 11 - 12 - 13 - 28 - 29 - 10 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 60.743.000đ nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn Nhàn và bà Lê Thị H là 32.596.278đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

+ Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 1244,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 - 2 - 3 - 4 - 5 - 6 - 7 - 8 - 9 - 10 - 29 - 1 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án), có trị giá 57.247.000đ nhưng được hưởng toàn bộ cây cao su trên đất do ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H trồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn D giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà ông được hưởng theo kỷ phần thừa kế cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông/bà Hồ Văn A, Thái Thị B và Hồ Thị T giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà các ông/bà được hưởng theo kỷ phần thừa kế tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7) và cây cối, tài sản

nằm trên đất kèm theo cho ông H được hưởng (do cháu Quang là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận).

Do các thửa đất được phân chia có diện tích và giá trị tương đương nhau và các được sự không yêu cầu bù trừ giá trị chênh lệch, nên các bên không phải bù trừ giá trị chênh lệch cho nhau.

[4.6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 là có căn cứ cần được chấp nhận.

[4.7] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, thấy rằng:

Cần chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của ông Hồ Văn A để phân chia di sản thừa kế của các cụ ông Hồ Văn T (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L cho các đồng thừa kế như đã nêu trên là phù hợp.

[5] Về chi phí tố tụng: Đã chi phí hết 4.500.000đ, ông Hồ Văn An thoả thuận chịu và đã nộp đủ.

[6] Về án phí chia thừa kế: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định đối với việc chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, đối với ông Hồ Văn A, bà Thái Thị B là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí, Hồ Đăng H là người mất năng lực hành vi dân sự thuộc trường hợp khuyết tật đặc biệt nặng, căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2014, miễn án phí cho ông Hồ Văn A, bà Thái Thị B và Hồ Đăng H, những người còn lại phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự, người giám hộ cho đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 57, 58, 59, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Luật Đất đai năm 2024; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Hồ Văn A theo pháp luật tại các thửa đất số 275, tờ bản đồ số 8 tại xã P (nay là xã B), là đất ở nông thôn, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ ông Hồ Văn Thời (Hồ Như T, Thái Nhi T) và thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 tại xã P (nay là xã B) là đất trồng cây lâu năm do cụ ông Hồ Văn Thời (Hồ Như T, Thái Nhi T) và cụ bà Hoàng Thị L sau khi chết để lại, cụ thể:

[1.1] Tại thửa đất 275, tờ bản đồ số 8 (thửa 114, tờ bản đồ số 7):

+ Giao cho ông Hồ Văn A được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 721,8m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 10 – 11- 12 – 13 - 10, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 58.014.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho ông Hồ Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 717,7m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 9 - 10 – 13 – 14 - 15 - 9, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.960.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án) do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại diện nhận.

+ Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 913,2m² kèm theo toàn bộ nhà cửa, cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 6 – 7 – 8 – 9 – 15 – 17 - 6, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 66.953.000đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho ông Hồ Văn D được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 709,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 5 – 6 – 17 – 19 - 5, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.578.400đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn D giao toàn bộ diện tích đất 709,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 5 – 6 – 17 – 19 - 5, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 57.578.400đ cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng.

+ Giao cho bà Thái Thị B được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 748,5m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 4 - 5 - 19 – 20 - 4, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.367.800đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

+ Giao cho bà Hồ Thị T được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 743,6m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 - 2 - 3 - 4 – 20 - 1, trong đó có 66,7m² đất ở, có trị giá 59.151.400đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

[1.2] Tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7):

+ Giao cho ông Hồ Đăng H được quyền sở hữu, sử dụng diện tích đất 5.086,2m² kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 13 – 14 – 15 – 16 – 17 – 18 – 19 – 20 – 21 – 22 – 23 – 24 – 25 – 26 – 27 – 28 - 13 (có sơ đồ bản vẽ kèm theo) do anh Hồ Văn Q (con đẻ duy nhất) làm người giám hộ theo quy định của pháp luật đại diện nhận, có trị giá 233.965.200đ, nhưng có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cây cao su trên đất cho ông Hồ Văn N và bà Lê Thị H là 125.551.829đ (căn cứ: Theo biên bản định giá 460 cây cao su trồng năm 2008 có giá 246.848.000/ha).

Tuyên bố kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự tính trên số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian chậm trả.

+ Giao cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ diện tích đất còn lại của thửa đất số 274 kèm theo toàn bộ cây cối, tài sản trên đất, được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 12 – 13 – 13 – 28 – 29 – 1, có diện tích 2.565m², có trị giá 117.990.000đ và toàn bộ số cây cao su được trồng trên diện tích đất này là tài sản của ông N, bà H tạo lập nên ông Nhân, bà Hoa được hưởng (có sơ đồ bản vẽ kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án).

Do các thửa đất được phân chia có diện tích và giá trị tương đương nhau và các được sự không yêu cầu bù trừ giá trị chênh lệch, nên các bên không phải bù trừ giá trị chênh lệch cho nhau.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Văn D giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà ông được hưởng theo kỷ phần thừa kế cho ông Hồ Văn N được quyền sở hữu, sử dụng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông/bà Hồ Văn A, Thái Thị B và Hồ Thị T giao toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất mà các ông/bà được hưởng theo kỷ phần thừa kế tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 8 (thửa 115, tờ bản đồ số 7) và cây cối, tài sản nằm trên đất kèm theo cho ông H được hưởng (do cháu Q là con trai ông H làm giám hộ đại diện nhận).

[2] Ông Hồ Văn Q là người giám hộ đối với ông Hồ Đăng H có trách nhiệm quản lý diện tích đất và tài sản trên đất được chia di sản thừa kế cho ông Hồ Đăng H và thực hiện quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

[3] Về chi phí tố tụng: Đã chi phí hết 4.500.000đ, ông Hồ Văn A thỏa thuận chịu và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Miễn án phí cho ông Hồ Văn A, bà Thái Thị B và ông Hồ Đăng H.

Ông Hồ Văn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà Hồ Thị T phải chịu 2.957.570đ (hai triệu, chín trăm năm mươi bảy nghìn, năm trăm bảy mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Ông Hồ Văn N phải chịu 12.126.070đ (mười hai triệu, một trăm hai mươi sáu nghìn, không trăm bảy mươi đồng) để sung công quỹ nhà nước.

[5] Về quyền kháng cáo: Án sơ thẩm xử công khai, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (04/3/2026). Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được

tổng đạt hợp lệ cho họ đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị
- Thi hành án Dân sự tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực I, Quảng Trị;
- Tòa Dân sự - TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bố Trạch, tỉnh Quảng Trị
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Phú Quảng